

1. Trình bày các tư tưởng chính của chủ nghĩa hiện thực về vai trò của các cá nhân, nhà nước và các nhóm XH?

- Nhà nước là nhân tố chính, quan trọng nhất trong kinh tế chính trị quốc tế.
- Nhà nước có quyền tối thượng về đối nội, đối ngoại.
- Tình trạng vô chính phủ của hệ thống quốc tế. Do đó mỗi quan hệ giữa các quốc gia đặc trưng bởi xung đột thường xuyên và việc theo đuổi quyền lực.
- Nhà nước là chủ thể tập quyền: các chủ thể phi chính phủ đều phải hoạt động trong khuôn khổ chính sách của nhà nước quốc gia.
- Nhà nước hoạt động vì lợi ích của tất cả thành viên, tối đa hóa lợi ích xã hội. Vì vậy, nhà nước luôn sáng suốt, đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích xã hội, tối thiểu hóa chi phí.

2. Trình bày các tư tưởng chính của chủ nghĩa tự do về vai trò của các cá nhân nhà nước và các nhóm XH ?

- Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vai trò của các cá nhân, doanh nghiệp. Các cá nhân được coi trọng hơn cả, là nhân tố chính. Nhà nước không phải là chủ thể duy nhất mà bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác. Do đó xem xét các nhân tố rộng hơn.
- Các cá nhân được bảo vệ quyền lợi, được tự do theo đuổi các mục đích kinh tế và chính trị. Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh đến việc ưu tiên cho phúc lợi cá nhân, phúc lợi xã hội sẽ đạt mức cao nhất khi con người được tự do đưa ra các quyết định của mình về cách thức sử dụng các nguồn lực mà họ sở hữu.
- Nhà nước chỉ là tập hợp của các lợi ích cá nhân, các chính sách công là kết quả của cuộc đấu tranh giữa các nhóm lợi ích.
- Nhà nước cần can thiệp vào thị trường ở mức độ nhất định (tự do can thiệp). Nhà nước cần thiết lập một cách rõ ràng các quyền liên quan đến sở hữu của cải và các nguồn lực. Chính phủ có thể can thiệp giải quyết các vấn đề thất bại thị trường
- Nhìn nhận thế giới có mối tương quan lẫn nhau. Nhà nước và người dân có thể hợp tác với nhau vì lợi ích chung.

3. Trình bày các tư tưởng chính của chủ nghĩa Mác về bản chất và mục đích của các quan hệ kinh tế quốc tế.

Chủ nghĩa Mác cho rằng :

Bản chất của quan hệ kinh tế là mâu thuẫn và là trò chơi của kẻ thắng người thua : giai cấp tư sản bóc lột giai cấp vô sản bên trong các nước . Trong quan hệ kinh tế quốc tế, trò chơi này chuyển thành sự bóc lột có hệ thống thế giới: các quốc gia giàu có bóc lột các quốc gia nghèo

Tư tưởng này được phát triển cùng với những biến động của hệ thống thế giới. Về CNTB , CN Mác cho rằng CNTB làm bản cùng hóa giai cấp công nhân. Khi có sự mất cân

đổi giữa khả năng sản xuất và khả năng tiêu thụ hàng hóa sẽ dẫn đến sản xuất thừa và suy thoái kinh tế sẽ dẫn đến đời sống giai cấp công nhân càng thêm khốn khổ và họ sẽ đứng lên lật đổ CNTB

Chủ nghĩa đế quốc là hình thái tiên tiến hơn của Chủ nghĩa Tư Bản. Mục đích là tìm nơi cung cấp nguyên liệu thô, nông nghiệp và thị trường cho nước mẹ

Chủ nghĩa thực dân mới: việc bóc lột diễn ra thông qua cấu trúc thống trị và quản lý và ít mang tính xâm lược hơn

Cơ sở của của nghĩa thực dân kinh tế được thể hiện qua học thuyết phụ thuộc. Theo đó có những nước ngoại vi và các nước trung tâm. Tài nguyên bị rút từ các nước ngoại vi chảy về và làm giàu cho các nước trung tâm. Kinh tế toàn cầu không mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia, lợi ích và của cải đều đổ dồn về các nước CNTB-ở phần đỉnh của hệ thống phân tầng quốc tế

CN Mác nhấn mạnh vào tái phân phối quyền lực và của cải

Khác với chủ nghĩa hiện thực chỉ tái phân phối trong CNTB

CN Mác đưa ra mục tiêu tái phân phối một cách công bằng khi CNTB bị xóa bỏ chuyển sang CNXH

4. Trình bày các tư tưởng chính của chủ nghĩa tự do về vai trò của các cá nhân, nhà nước và các nhóm xã hội

* Chủ nghĩa tự do áp dụng cách tiếp cận từ dưới lên trên theo đó nhấn mạnh vai trò của các cá nhân và doanh nghiệp

* Các cá nhân được bảo vệ quyền lợi, được tự do theo đuổi các mục đích kinh tế và chính trị. Phúc lợi xã hội sẽ đạt được mức cao nhất khi con người có tự do trong việc đưa ra các quyết định về cách thức sử dụng các nguồn lực mà họ sở hữu. Ví dụ thuyết “bàn tay vô hình” cho rằng nhà nước không nên can thiệp mà để các nhân tố thị trường tự điều tiết

* Nhà nước chỉ là tập hợp của các cá nhân, các chính sách công, là kết quả của cuộc đấu tranh giữa các nhóm lợi ích(tự do chính thống). Nhà nước được duy trì để đảm bảo cho các hợp đồng giữa các cá nhân, các nhóm xã hội với nhau được thực hiện

* Nhà nước can thiệp ở mức độ nhất định vào thị trường(tự do can thiệp). Nhà nước chỉ nên can thiệp khi xuất hiện những khuyết tật thị trường như hàng hóa công, phân tầng xã hội

Câu 14: Trình bày các nguyên lý cơ bản của học thuyết hiện đại hóa về vấn đề chênh lệch pt? Liên hệ các nước đang pt?

A, Các nguyên lý cơ bản của học thuyết hiện đại về vấn đề chênh lệch phát triển:
Theo học thuyết hiện đại hóa thì lý do của sự chậm phát triển là do các nguyên nhân nội tại của một quốc gia như : Chính sách phát triển, hệ thống pháp luật, thể chế chính trị, nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên,

Để phát triển được thì các nước chậm và đang phát triển cần:

- Tạo các điều kiện cho sản xuất hiệu quả, tự do phát triển các doanh nghiệp, và tự do hoá thương mại;
- Cần phải mở cửa hội nhập nền kinh tế, giao lưu với bên ngoài, tận dụng các nguồn viện trợ từ các nước phát triển.
- Thu hút vốn đầu tư từ các nước phát triển.
- Trải qua các 5 giai đoạn phát triển (Lý thuyết cất cánh của Rostow): xã hội truyền thống, chuẩn bị cất cánh, cất cánh, trưởng thành, tiêu dùng cao.

B, Liên hệ các nước đang phát triển:

1, Nguyên nhân dẫn đến sự chậm phát triển của các nước ĐPT:

Tỷ lệ tích lũy thấp : Một quốc gia muốn phát triển phải có nguồn vốn đầu tư, mà để có tích lũy vốn thì phải hi sinh tiêu dùng. Nhưng đối với các nước đang phát triển nhất là những nước có thu nhập thấp đã gần như chỉ có mức sống tối thiểu vì vậy việc giảm tiêu dùng trở nên khó khăn. Tích lũy thấp dẫn đến thiếu vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng, công nghệ khoa học kỹ thuật để phục vụ sản xuất. Do đó ngày càng hạn chế quy mô tiết kiệm cho tích lũy phát triển kinh tế.

Trình độ kỹ thuật sản xuất thấp, công nghệ lạc hậu: Ở các nước đang phát triển hoạt động kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở sản xuất nhỏ, kỹ thuật khoa học lạc hậu, khả năng cạnh tranh không cao... Trong khi đó các nước phát triển đã có cải tiến và những bước tiến xa trong công nghệ, làm khoảng cách vs các nước ĐPT ngày càng xa và khiến nước đó khó tận dụng được lợi thế người đi sau do quá trình phân công lao động.

Năng suất lao động thấp: Việc năng suất lao động thấp khiến cho các nước ĐPT ít có lợi thế cạnh tranh, thương mại trao đổi hàng hóa ít dẫn đến tình trạng nhập siêu, kinh tế không thể phát triển.

Phụ thuộc thương mại quốc tế: sơ chế, dễ biến động, dự trữ tiền tệ quốc tế thấp. Sự thống trị, sự phụ thuộc và tính dễ bị tổn thương trong các quan hệ quốc tế

Mức sống thấp: Ở các nước đang phát triển, mức sống nói chung đều rất thấp đối với đại đa số dân chúng. Mức sống thấp phản ánh qua thu nhập thấp, thiếu nhà ở, sức khỏe kém, ít được học hành, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh cao, tuổi thọ thấp, làm cho chất lượng nguồn lao động kém, không đáp ứng được yêu cầu của thời đại phát triển...

2, Giải pháp cho các nước ĐPT theo học thuyết hiện đại

- Mở cửa , hội nhập vào nền kinh tế quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, tận dụng nguồn viện trợ từ các nước phát triển như nguồn ODA, FDI...tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế,
- Tận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất hàng hóa nâng cao năng suất và hiệu quả cũng như chất lượng sản phẩm. Đầu tư nhiều chất xám, công nghệ cao vào sản phẩm để tăng giá trị cho hàng hóa.
- Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách kinh tế vi mô vĩ mô , pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh bình đẳng, khắc phục các khuyết tật của thị trường, khuyến khích các thành phần kinh tế, thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế. Đặc biệt cần chú trọng các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài .

- Xây dựng được những lĩnh vực đầu tàu (thị trường xuất nhập khẩu phát triển nhanh hoặc công nghiệp có khả năng phát triển mạnh, hiệu quả theo quy mô lớn). Khi các lĩnh vực đầu tàu tăng nhanh thì quá trình tăng trưởng tự duy trì xuất hiện.

Câu 15: Trình bày các nguyên lý cơ bản của học thuyết phụ thuộc về vấn đề chênh lệch pt? Liên hệ các nước đang pt?

a) Các nguyên lý cơ bản của học thuyết phụ thuộc về vấn đề chênh lệch phát triển

Trong thập niên 1960 và thập niên 1970, các nhà kinh tế học Marxist mới (American Marxist) đưa ra lý thuyết phát triển phụ thuộc (dependent development). Thế giới chia làm hai nhóm: nhóm nước giàu và nhóm nước nghèo. Sự phát triển của nhóm nước nghèo là "sự phát triển phụ thuộc", theo đó sự phát triển này phụ thuộc vào vốn, thương mại và công nghệ mang đến từ các nước giàu. Các nước kém phát triển thường phụ thuộc vào các nước phát triển và bị bóc lột. Ngay trong một nước nghèo có thể có tầng lớp thống trị (bao gồm chính trị gia, quân nhân,...) có quan hệ khăng khít với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế bóc lột tầng lớp lao động trong nước. Vì vậy, các nước nghèo không nên đi theo con đường tư bản chủ nghĩa để phát triển kinh tế và không nên quan hệ kinh tế với các nước tư bản chủ nghĩa. Chủ trương này hàm ý phát triển kinh tế với nền kinh tế đóng cửa và tự cấp tự túc.

Lý thuyết phát triển phụ thuộc sau đó phát triển hơn, đặc biệt là bởi các học giả từ Châu Mỹ La Tinh. Phát triển phụ thuộc nhiều khi là cần thiết, không tránh khỏi. Hầu hết các nước phát triển từ nghèo thành giàu như Australia, Canada, các nước Đông Á, một số nước Mỹ La tinh như Brazil, Argentina... đều phải dựa vào phát triển phụ thuộc. Tuy nhiên, kết cục các nước này cũng khác nhau, tùy theo các yếu tố khác, đặc biệt là năng lực lãnh đạo của nhà nước. Các nước như Hàn Quốc, Đài Loan... bên cạnh dựa vào thương mại, công nghệ của nước ngoài (như Mỹ), còn có một nhà nước minh bạch, có năng lực quản lý.

Các nguyên lý cơ bản của học thuyết phụ thuộc:

- Nguồn gốc các vấn đề của các nước kém phát triển nhất:

Các yếu tố bên ngoài

Quan hệ về giai cấp: vai trò trung gian của giai cấp tư sản tại các nước kém phát triển nhất

- Khả năng phát triển của các nước kém phát triển nhất

Gunder Frank: các nước kém phát triển nhất không thể phát triển khi vẫn còn liên hệ với các nước phát triển

Cardoso-Faletto: các nước kém phát triển nhất có thể phát triển nhưng là sự phát triển phụ thuộc (VD NICs, NIEs)

Giải pháp: đề xuất thay đổi

Các nước kém phát triển nhất không thể thoát khỏi vị thế phụ thuộc vào hệ thống TBCN

Tự chủ: phá vỡ mối liên hệ với các nước trung tâm → bài ngoại

Cách mạng xã hội đem lại công bằng, bình đẳng

Hạn chế của học thuyết phụ thuộc

Các khái niệm cơ bản:

- Mức độ phụ thuộc: nhiều, ít
- Dạng thức phụ thuộc: kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự
- Cách phân loại quá rộng: trung tâm-ngoại vi, phát triển – chậm phát triển

Các hình thức bóc lột khác ngoài TBCN

- Bất bình đẳng về sức mạnh quyền lực giữa các nhà nước
- Quan hệ phụ thuộc ở các nước phi TBCN: Liên Xô cũ
- Quan hệ (phụ thuộc) về chính trị vs. Quan hệ về kinh tế

Không coi trọng các yếu tố kinh tế, chính trị bên trong

Các dự đoán sai về viễn cảnh của LDCs: Trung Quốc mở cửa và phát triển

Không đưa ra được các giải pháp cụ thể: CNXH, tự chủ

Chú trọng vào Quan hệ trao đổi (giữa trung tâm và ngoại vi) thay vì Quan hệ sản xuất (giữa giai cấp tư sản và vô sản)

b) Liên hệ các nước đang phát triển

Sự phụ thuộc kinh tế của các nước Mỹ Latinh vào Mỹ

Các nước Mỹ Latinh từng là sân sau của Mỹ. Gọi sân sau là ám chỉ các nước lệ thuộc của các nước Mỹ Latinh về chính trị, kinh tế,...đặc biệt là về khai thác tài nguyên.

Giải pháp:

Trong thập kỷ qua, Mỹ Latinh tìm cách tăng cường giao thương với châu Á. Đối với một số nước, chính sách này nằm trong chủ trương tránh lệ thuộc vào Mỹ, thế nhưng phần lớn các quốc gia tại khu vực trên vẫn phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu từ Mỹ.

Câu 18: Phân tích nội dung chính và các điểm hạn chế của học thuyết hiện đại hóa về chênh lệch phát triển, lấy ví dụ thực tiễn?

Nội dung của học thuyết hiện đại hóa

- Lý do của sự chậm phát triển là do các nguyên nhân nội tại của một quốc gia
- Các nước chậm và đang phát triển cần:
 - Tạo các điều kiện cho sản xuất hiệu quả, tự do phát triển các doanh nghiệp, và tự do hoá thương mại;
 - Thu hút vốn đầu tư từ các nước phát triển
 - Trải qua các 5 giai đoạn phát triển (Lý thuyết cất cánh của Rostow): xã hội truyền thống, chuẩn bị cất cánh, cất cánh, trưởng thành, tiêu dùng cao.

Hạn chế:

- Lý thuyết tập trung hướng đến các nước ở châu Âu mà chưa quan tâm đến các khu vực khác
- Lý thuyết cũng chưa xem xét các yếu tố như sự bất bình đẳng đang tồn tại hay những bất ổn có thể tạo ra, nó thấy không có sự xung đột giữa lợi ích của người nghèo và người

giàu, bỏ qua thực tế là các nguồn tài nguyên có giới hạn, mà sự tích tụ sự giàu có trong tay một số người sẽ làm giảm cơ hội của những người khác.

- Tăng trưởng kinh tế là quá trình liên tục chứ không phải đứt đoạn nên rất khó để phân chia thành những giai đoạn chính xác như vậy. Mặt khác, tăng trưởng và phát triển ở một số nước không nhất thiết phải phân chia thành 5 giai đoạn giống như trên

- Các nước chậm và đang phát triển khi tiếp nhận đầu tư từ các nước phát triển sẽ bị ràng buộc và phụ thuộc vào các nước đó về mặt vốn cũng như chính trị

Liên hệ thực tiễn:

Việt Nam cũng như hầu hết các nước đang phát triển khác đang ở trong khoảng giai đoạn 2 và 3. Về mặt cơ cấu kinh tế, phải bắt đầu hình thành được những ngành công nghiệp chế biến có khả năng thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế tăng trưởng. Ngoài ra, sự chuyển tiếp từ giai đoạn 2 sang giai đoạn 3 đi kèm với sự thay đổi của những ngành chủ lực, đóng vai trò đầu tàu. Điều này nghĩa là, trong chính sách cơ cấu, cần xét đến trật tự ưu tiên phát triển những ngành, lĩnh vực có khả năng đảm trách vai trò đầu tàu kinh tế trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau. Ở Việt Nam hiện nay xuất khẩu các mặt hàng nông sản và thủy sản, các mặt hàng da giày, dệt may đang là những ngành xuất khẩu chủ lực, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước xuất siêu năm 2012.

Từ sau đổi mới đến nay, Việt Nam đã tiến hành cải cách nền kinh tế theo hướng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp nước ngoài. Đồng thời Việt Nam cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nước khác đầu tư vào Việt Nam góp phần gia tăng GDP. Đến nay đã có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trên nhiều lĩnh vực như CocaCola, Samsung...

Ngoài ra Việt Nam đã và đang đàm phán tham gia nhiều tổ chức kinh tế quốc tế cũng như các hiệp định tự do hóa thương mại mà gần đây nhất là TPP.